

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Trần Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhứt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Diệu H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Diệu H: Ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2019 (có mặt)

2. Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1969 và bà **Trần Thị H**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, Huỳnh Diệu H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Diệu H, ông Huỳnh Thanh V trình bày: Chị Huỳnh Diệu H có tham gia dây hui mở vào ngày 25/11/2016 (âm lịch) do vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn B làm chủ hui, loại hui mùa (04 tháng khui một lần) và hai bên có thỏa thuận sau khi khui hui 01 tháng thì chủ hui sẽ thu tiền hui để giao cho người hốt hui. Dây hui trị giá 10.000.000 đồng/phần hui, gồm có 14 phần hui, chị H tham gia 01 phần hui và đã đóng được 04 kỳ hui sông với tổng số tiền 21.800.000 đồng. Đến ngày 25/4/2018, bà H và ông B cho

rằng các hội viên đã ra hết không chơi hội nữa nên không khai hội, chị H có yêu cầu ông B và bà H thanh toán số tiền hội đã đóng thì ông B và bà H không thanh toán. Nay chị H yêu cầu ông B và bà H thanh toán cho chị H số tiền gốc 21.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/11/2018 (âm lịch) đến ngày khởi kiện 15/3/2019 (âm lịch) với lãi suất 1,5%/tháng là 4.741.500 đồng; tổng cộng là 26.541.500 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa, đồng bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Chị H có tham gia đây hội mùa (04 tháng khai một lần) trị giá 10.000.000 đồng/phần hội mở vào ngày 25/11/2016 (âm lịch) do vợ chồng bà H và ông B làm chủ hội. Đây hội, gồm có 14 phần hội, chị H tham gia 01 phần hội và đã đóng được 04 kỳ hội sống với tổng số tiền 21.800.000 đồng. Do các hội viên đã ra gần hết không chơi hội nữa nên ông B và bà H không khai hội tiếp thì chị H có yêu cầu ông B và bà H thanh toán số tiền hội 21.800.000 đồng, ông B và bà H đồng ý thanh toán 10.000.000 đồng/mùa, nhưng chị H không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2019, bà H chỉ đồng ý thanh toán cho chị H số tiền gốc 21.800.000 đồng và không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của chị H, nhưng tại phiên tòa, bà H và ông B xác định tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2019, bà H xác định sau ngày 25/7/2017 (âm lịch), bà H và ông B không khai hội nữa là không chính xác mà ngày bà H và ông B không khai hội nữa là bắt đầu từ kỳ khai hội thứ năm, tức là vào ngày 25/3/2018 (âm lịch) nên nay ông B và bà H đồng ý thanh toán cho chị H số tiền gốc 21.800.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 25/3/2018 (âm lịch), là ngày kết thúc đây hội đến ngày chị H khởi kiện tại Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với ông B và bà H; buộc ông B và bà H thanh toán cho chị H số tiền gốc 21.800.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/3/2018 (âm lịch) đến ngày khởi kiện tại Tòa án (ngày 18/3/2019) với lãi suất 10%/năm. Chị H, ông B và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện ông B và bà H yêu cầu thanh toán tiền hội với số tiền gốc là 21.800.000 đồng và tiền lãi là 4.741.500 đồng; tổng cộng 26.541.500 đồng; hiện nay, ông B và bà H đang cư trú tại ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H có tham gia dây hội mùa (04 tháng khui một lần) mở vào ngày 25/11/2016 (âm lịch) do vợ chồng bà H và ông B làm chủ hội. Dây hội trị giá 10.000.000 đồng/ phần hội, gồm có 14 phần hội, chị H tham gia 01 phần hội và đã đóng được 04 kỳ hội sống với tổng số tiền 21.800.000 đồng thì bà H và ông B không khui hội nữa, chị H có yêu cầu ông B và bà H thanh toán số tiền hội đã đóng, nhưng đến nay ông B và bà H không thanh toán cho chị H là có xảy ra trên thực tế. Ông B và bà H thừa nhận toàn bộ sự việc nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị H yêu cầu ông B và bà H phải thanh toán cho chị H số tiền gốc 21.800.000 đồng. Ông B và bà H đồng ý thanh toán số tiền gốc 21.800.000 đồng cho chị H nên ghi nhận sự tự nguyện của ông B và bà H, buộc ông B và bà H phải thanh toán cho chị H số tiền nợ gốc 21.800.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với việc chị H yêu cầu ông B và bà H thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền nợ 21.800.000 đồng nêu trên, xét thấy dây hội do ông B và bà H làm chủ mà chị H tham gia chơi là hội có lãi nên việc chị H yêu cầu ông B và bà H phải thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 21.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Chị H yêu cầu ông B và bà H thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, kể từ ngày 25/11/2017 (âm lịch) cho đến ngày khởi kiện, ông B và bà H chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật, kể từ ngày ngưng khui hội đến ngày khởi kiện tại Tòa án. Xét thấy, chị H, ông B và bà H đều thống nhất dây hội chị H tham gia đã khui được 04 kỳ hội và chị H đã đóng tiền hội được 04 kỳ khui hội, đến kỳ khui hội thứ năm, tức là kỳ hội khui vào ngày 25/3/2018 (âm lịch) thì ông B và bà H mới ngưng khui hội. Về nguyên tắc, khi ông B và bà H ngưng khui hội, thì ông B và bà H phải hoàn trả lại cho chị H số tiền đóng hội, nhưng ông B và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ khi ngưng khui hội cho đến nay, tuy nhiên, chị H chỉ yêu cầu tính tiền lãi đến ngày chị H khởi kiện tại Tòa án; xét đây là sự tự nguyện của chị H nên được ghi nhận và buộc ông B và bà H có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho chị H tính từ ngày ngưng khui hội (ngày 25/3/2018 âm lịch) đến ngày chị H khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ theo giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, thì ngày chị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là ngày 18/3/2019 dương lịch nên thời gian tính lãi được xác định là kể từ ngày 25/3/2018 (âm lịch), tức là ngày 10/5/2018 dương lịch đến ngày chị H khởi kiện tại Tòa án, tức là ngày 18/3/2019 dương lịch, là 10 tháng 08 ngày. Dây hội chị H tham gia do ông B và bà H làm chủ hội tuy là hội có lãi nhưng không xác định được mức lãi suất cụ thể và hiện nay chị H có tranh chấp về tiền lãi với ông B và bà H nên mức lãi suất 1,5%/tháng mà chị H yêu cầu ông B và bà H có trách nhiệm thanh toán cho chị H là vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, số tiền lãi ông B và bà H có trách nhiệm thanh toán cho chị H là

21.800.000 đồng x {50% x 20%/năm} : 12 tháng} x 10 tháng 08 ngày = 1.857.651 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi ông B và bà H có trách nhiệm thanh toán cho chị H là: 21.800.000 đồng + 1.857.651 đồng = 23.657.651 đồng.

[6] Chị H không đặt ra yêu cầu đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày chị H khởi kiện cho đến nay; xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của chị H đối với ông B và bà H được chấp nhận một phần nên ông B và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền ông B và bà H có trách nhiệm thanh toán cho chị H, bằng 5% x 23.657.651 đồng = 1.182.883 đồng; chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu nhưng không được chấp nhận (26.541.500 đồng – 23.657.651 đồng = 2.883.849 đồng), bằng 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 663.537 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013525 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016). Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Diệu H đối với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H thanh toán cho chị Huỳnh Diệu H số tiền gốc 21.800.000 đồng (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày 25/3/2018 (âm lịch) đến ngày khởi kiện tại Tòa án (ngày 18/3/2019).

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho chị Huỳnh Diệu H số tiền hui 23.657.651 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi một đồng); trong đó, tiền gốc là 21.800.000 đồng (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 1.857.651 đồng (một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi một đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chị Huỳnh Diệu H đối với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H thanh toán cho chị Huỳnh Diệu H số tiền lãi 2.883.849 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

3. Về án phí, ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H phải nộp 1.182.883 đồng (một triệu một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chị Huỳnh Diệu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã nộp tạm ứng án phí 663.537 đồng (sáu trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013525 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 363.537 đồng (ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên